



CẢNH QUAN, GIỚI TÍNH VÀ SẮC TỘC: ĐỌC *LỬA RỪNG* CỦA VŨ HẠNH QUA LĂNG KÍNH PHÊ BÌNH CẢNH QUAN

Nguyễn Thị Yến Nhung

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, Huế, Việt Nam,

*Tác giả liên hệ: **Nguyễn Thị Yến Nhung** <ntynhung@ttn.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 25-04-2025; Ngày chấp nhận đăng: 30-03-2026)

Tóm tắt: Phê bình cảnh quan là một hướng tiếp cận lý luận văn học hiện đại, nhấn mạnh vai trò của cảnh quan như một thực thể giàu tính biểu tượng, nơi sản sinh và phản chiếu các diễn ngôn về giới tính, sắc tộc, quyền lực và bản sắc. Tiếp cận tiểu thuyết *Lửa rừng* của Vũ Hạnh từ lăng kính này cho thấy, cảnh quan núi rừng Tây Nguyên không chỉ là bối cảnh tự sự mà còn là không gian biểu tượng, nơi hình thành rõ nét cảnh quan, giới tính và sắc tộc. *Lửa rừng* là tác phẩm giàu tính chính trị – xã hội về sự đối kháng giai cấp, sự phân biệt sắc tộc và khát vọng tự do, đồng thời mở ra những lớp nghĩa mới trong tiếp nhận văn học Việt Nam từ góc nhìn liên ngành.

Từ khóa: Cảnh quan, giới tính, sắc tộc, *Lửa rừng*, Vũ Hạnh, phê bình cảnh quan

LANDSCAPE, GENDER AND ETHNICITY: READING VŨ HẠNH'S FOREST FIRE THROUGH THE LENS OF LANDSCAPE CRITICISM

Nguyen Thi Yen Nhung

University of Educations, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam

*Correspondence to **Nguyen Thi Yen Nhung** <ntynhung@ttn.edu.vn>

(Received: April 25, 2025; Accepted: March 30, 2026)

Abstract. Landscape criticism is a modern literary theoretical approach that emphasizes the role of landscape as a symbolically rich entity – a space where discourses on gender, ethnicity, power, and

identity are produced and reflected. Approaching Vũ Hạnh's novel *Forest Fire* through this lens reveals that the Central Highlands' forested mountainscape serves not only as a narrative setting but also as a symbolic space where notions of landscape, gender, and ethnicity are distinctly shaped. *Forest Fire* is a work deeply imbued with political and social themes such as class struggle, ethnic discrimination, and the yearning for freedom. At the same time, it opens new interpretive layers in the reception of Vietnamese literature from an interdisciplinary perspective.

Keywords: Landscape, gender, ethnicity, Forest fire, Vũ Hạnh, landscape criticism

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, phê bình cảnh quan (Landscape Criticism) đã nổi lên như một khuynh hướng lý thuyết quan trọng, mang lại những diễn giải mới mẻ về mối quan hệ phức tạp giữa con người, không gian và quyền lực trong văn học. Khác với cách tiếp cận truyền thống vốn chỉ xem cảnh quan như phong nền tĩnh tại hoặc chất liệu miêu tả thiên nhiên đơn thuần, phê bình cảnh quan đặt cảnh vật vào trung tâm phân tích, nhìn nhận chúng như một thực thể mang tính biểu tượng, diễn ngôn và chính trị. Lý thuyết này cho thấy, cảnh quan không chỉ phản ánh các cấu trúc văn hóa xã hội mà còn là nơi sản sinh và tái hiện các diễn ngôn về giới, sắc tộc, bản sắc dân tộc và quyền lực thuộc địa.

Trong bối cảnh lý luận đó, tiểu thuyết *Lửa rừng* của nhà văn Vũ Hạnh, một tác phẩm tiêu biểu của văn học cách mạng trước năm 1975, nổi bật như một trường hợp nghiên cứu đặc biệt. Tác phẩm này khắc họa cảnh quan rừng núi Tây Nguyên không chỉ như một môi trường sống mà còn là nơi chứa đựng những xung đột lịch sử, văn hóa và sắc tộc sâu sắc. Bằng cách đọc *Lửa rừng* qua lăng kính phê bình cảnh quan, bài viết này nhằm phân tích cách Vũ Hạnh kiến tạo không gian thiên nhiên như một địa điểm vừa mang tính kháng chiến, vừa là nơi quy chiếu những vấn đề về giới tính và sắc tộc. Từ đó, nghiên cứu không chỉ làm rõ vai trò của cảnh quan trong việc hình thành bản sắc nhân vật và cấu trúc tự sự mà còn góp phần mở rộng phạm vi ứng dụng của phê bình cảnh quan trong nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về lý thuyết phê bình cảnh quan

Trong ngôn ngữ thông dụng, “cảnh quan” – landscape có hậu tố -scape tương đương với hậu tố phổ biến hơn là -ship (chỉ mối quan hệ họ hàng hoặc tình trạng làm bạn) [4]. Vì vậy, nghĩa của “landscape” dùng để chỉ một vùng đất nơi một cộng đồng người cư ngụ. Mặt khác, bản chất mối quan hệ cộng đồng này ở nông thôn và thành thị là khác nhau [7, Tr. 7]. Qua đó, cảnh quan có thể định danh con người trong nơi chốn ấy.

Mối quan hệ giữa giới (gender) và cảnh quan (landscape) đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Tại Việt Nam, vấn đề này chưa được khai thác sâu nhưng trong những năm gần đây, nó đã trở thành hướng nghiên cứu đáng chú ý. Việc tìm hiểu quá trình “giới hóa” cảnh quan trong văn học Việt Nam, đặc biệt là văn học viết về dân tộc thiểu số Tây Nguyên đem lại nhiều khám phá thú vị. Trên thực tế, mọi cảnh quan trong đời sống đều mang dấu ấn của quá trình “giới hóa”. Việc phân tích cảnh quan trong mối tương quan giới nam và nữ giúp làm rõ cách thức “giới hóa” cảnh quan góp phần vào quá trình sản xuất/tái sản xuất và củng cố các khuôn mẫu giới trong xã hội [9, Tr. 537].

Dưới góc nhìn phê bình, cảnh quan trong văn học không chỉ đơn thuần là bối cảnh mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, tác động đến nhận thức và tâm lý nhân vật. Như Nguyễn Thùy Linh nhận định: “cảnh quan đã trở thành sự thức tỉnh để nhân vật chiêm nghiệm về những vấn đề lớn lao như dân tộc, giai cấp, sự bất bình đẳng” [9, Tr. 241]. Từ thiên nhiên hùng vĩ đến chiến trường khốc liệt hay phố thị phồn hoa, cảnh quan trong văn học không chỉ phản ánh xã hội mà còn soi chiếu những suy tư về thân phận con người, giúp nhân vật suy ngẫm về sự phân tầng xã hội, bất công và khát vọng thay đổi, từ đó thúc đẩy sự phát triển nội tâm nhân vật. Vì thế, nghiên cứu tác động của giới và sắc tộc đến cảnh quan qua sự tương quan giữa các không gian tự nhiên và kiến tạo là điều vô cùng cần thiết.

2.2. Vài nét về tiểu thuyết *Lửa rừng* của nhà văn Vũ Hạnh

Tiểu thuyết *Lửa rừng* của Vũ Hạnh được khởi đăng lần đầu tiên trên tuần báo Mai vào đầu năm 1961 với nhan đề *Chuyện Nàng Y Kla*. Đến năm 1972, tác phẩm được in thành sách và chính thức lấy tên *Lửa rừng*. Tác phẩm tái hiện sinh động sự bí ẩn, hoang dại của thiên nhiên và môi trường sống, tình yêu quê hương, bản làng tha thiết và nỗi ám ảnh chiến tranh, chia rẽ do thực dân Pháp gây ra. Việc đọc/đọc lại *Lửa rừng* dưới lăng kính phê bình cảnh quan giúp làm rõ hơn mối quan hệ giữa con người và cảnh quan, đặc biệt là tác động của giới và sắc tộc đến cảnh quan.

Tiểu thuyết *Lửa rừng* kể về Dinh – chàng trai miền xuôi với “hình thù ma quái” [5, Tr. 7] bị lạc giữa rừng sâu, kiệt sức giữa núi rừng xa lạ. Chính nơi đây, anh được Y Kla – cô gái người dân tộc xuất hiện rạng rỡ như “hoa rừng kỳ lạ” [5, Tr. 7] tình cờ phát hiện và cứu sống. Cuộc gặp gỡ ấy đã khơi dậy một tình yêu đẹp, xóa nhòa mọi khác biệt về số phận, hai người nên duyên vợ chồng và xây dựng cuộc sống nơi đại ngàn. Thế nhưng, nỗi nhớ quê hương vẫn không nguôi trong lòng Dinh. Thấu hiểu nỗi lòng chồng, Y Kla không ngần ngại cùng Dinh băng rừng, vượt núi đưa anh về miền xuôi. Đó là một hành trình đầy gian nan nhưng đậm nghĩa tình, mở đầu cho chuỗi sự kiện đặc sắc và cảm động trong tác phẩm. Tuy vậy, sau khi nhận ra sự khác biệt không thể hòa hợp, Y Kla quyết định từ bỏ đồng bằng và quay trở lại núi rừng, nơi cô thực sự cảm thấy mình thuộc về. Trên hành trình trở về, cô lưu lạc đến bản của ông Yon – một chúa làng từng bị kẻ phản bội và thực dân Pháp chiếm đoạt tất cả. Cùng với ông Yon, Nhúc và một số người trung

nghĩa, Y Kla không chỉ trốn chạy khỏi bàn tay thống trị của kẻ thù mà còn từng bước chuyển mình thành người chiến sĩ bảo vệ buôn làng. Khi người Pháp và tay sai bắt đầu tràn vào, chiếm cứ đỉnh núi, đốt phá nhà cửa, gieo rắc bạo lực và chia rẽ, Y Kla cùng dân làng Nước Chò đã dũng cảm đứng lên chống lại. Núi rừng trở thành chiến tuyến, là nơi che chở, bảo vệ và cũng là không gian biểu tượng cho khát vọng kháng chiến và gìn giữ bản sắc.

Nhà văn Vũ Hạnh không chủ định viết *Lửa rừng* theo hướng phê bình cảnh quan nhưng việc đọc tác phẩm qua lăng kính này mang đến những khám phá mới mẻ. Cảnh quan trong tác phẩm không chỉ phản ánh những mâu thuẫn xã hội mà còn hàm chứa quan điểm sinh thái nhân văn sâu sắc, đồng thời mở ra những góc nhìn độc đáo về giới và sắc tộc. Điều này cho phép người đọc tiếp cận *Lửa rừng* như một “trường cảnh quan” nơi các yếu tố địa lý – văn hóa – chính trị – sinh thái cùng vận hành trong mối quan hệ tương tác. Bài viết mong muốn khơi gợi những “đối thoại cảnh quan” (landscape dialogue), tạo ra những diễn ngôn mới, thúc đẩy hướng tiếp cận liên ngành và mở rộng khả năng diễn giải truyện *Lửa rừng* của Vũ Hạnh.

2.3. Lửa rừng của Vũ Hạnh từ góc nhìn lý thuyết phê bình cảnh quan

2.3.1. Cảnh quan trong *Lửa rừng* – Sự phân cắt không gian và diễn giải giới

Từ xa xưa, trong văn hoá người Việt, cảnh quan đã gắn liền với sự tương quan về giới, thể hiện rõ qua sự tích *Con Rồng cháu Tiên* (tổ tiên của Bách Việt, dân tộc Việt Nam ngày nay) [10]. Đây được xem là câu chuyện đầu tiên phản ánh về sự chia tách không gian sống giữa nam và nữ. Lạc Long Quân, biểu tượng của biển cả; Âu Cơ, đại diện cho núi rừng, “Kẻ trên cạn, người dưới nước, tập quán khác nhau, khó có thể chung sống lâu dài nên phải chia xa” [10, Tr. 40]. Sau khi Âu Cơ sinh ra “bọc trăm trứng” nở ra trăm người con thì năm mươi người con theo cha xuống biển, năm mươi người con theo mẹ lên núi. Điều này thể hiện quan niệm truyền thống về sự phân chia không gian sống dựa trên đặc tính giới, trong đó, nam giới gắn với hành trình chinh phục, mở mang bờ cõi còn nữ giới gắn với sự gắn bó, bảo tồn.

Phải chăng, nhà văn Vũ Hạnh cũng dựa trên motif này để xây dựng mối tình giữa Dinh và Y Kla trong *Lửa rừng*? Trong câu chuyện ấy, giữa khung cảnh núi rừng, hình ảnh Y Kla – một cô gái Thượng¹ “dịu dàng với đôi mắt long lanh đen sáng, vẻ mặt hiền lành, màu da ngăm đen và thân hình rắn chắc” [5, Tr. 9] hiện lên đầy sức sống. Sau ngày dài lao động vất vả trên nương rẫy, cô tìm đến dòng suối mát lành để xua tan mệt mỏi. Để tránh khỏi “sự tọc mạch của cây rừng, đá núi” [5, Tr. 7], Y Kla nhẹ nhàng tiến ra chỗ nước sâu, khi nước đã ngập người, cô mới khéo léo cuộn chiếc váy lên đầu. Cảm giác sáng khoái lan tỏa khi “chất nước mát lạnh thấm vào da thịt” [5, Tr. 7], cô đắm mình trong “nỗi mê mải của sự hòa tan êm dịu vào lòng suối ngọt” [5, Tr. 7]. Khoảnh khắc ấy không chỉ khắc họa vẻ đẹp khỏe khoắn, gần gũi thiên nhiên của Y Kla

¹ Thượng: xuất phát từ thuật từ Montagnard vốn có nghĩa là “người miền núi” trong tiếng Pháp, được dùng với nghĩa như hiện nay từ thời Pháp thuộc.

mà còn gọi mở một hình tượng nữ tính gắn bó mật thiết với cảnh quan – nơi tình yêu, thân thể và đất trời hòa quyện trong một nhịp điệu nguyên sơ, đầy mê hoặc.

Trái ngược với hình ảnh tươi tắn, thanh bình của cô gái miền núi là hình ảnh một chàng trai trẻ miền xuôi với dáng vẻ tiêu tụy, hốc hác “mái tóc rũ rượi che đi khuôn mặt xanh xao, ốm yếu” và lộ rõ “màu bệnh hoạn” [5, Tr. 8]. Bộ quần áo anh khoác trên người đã bạc màu, rách nát để lộ ra những xương sườn gầy guộc và đôi chân tay khẳng khiu nổi rõ đường gân xanh. Anh nhớ lại những ngày làm việc tại một đồn điền của người Pháp – không gian tiêu biểu cho chế độ thực dân với những áp bức, bóc lột. Tại đây, anh trải qua cuộc sống cơ cực, bị đối xử như một công cụ lao động giữa cánh rừng cao su với kỷ luật hà khắc. Những ngày tháng đó khiến Dinh dần nhận ra sự vô nghĩa của đời sống bị tước đoạt. Cuối cùng, anh quyết định bỏ trốn khỏi đồn điền cao su và bị lưu lạc trong núi sâu, rừng thẳm. Chính rừng núi đã tạo ra hình thù kì dị và cướp đi “những đồng bạn” vì đói, vì những con ác thú hay vì “con sốt rừng tàn nhẫn xô ngã họ xuống bờ khe hay đánh ngã khụy ở trong hốc đá lạnh lùng” [5, Tr. 10] của Dinh. May mắn thay, anh gặp Y Kla và được cứu giúp. Sau một hồi giao tiếp, dù họ không hiểu đối phương nói gì nhưng ít ra Dinh cũng xem đây như “mối giao hòa bắt đầu nổi lại giữa những con người” [5, Tr. 9] sau những ngày lưu lạc trong rừng sâu.

Đối với Y Kla, núi rừng là không gian sống quen thuộc, gắn bó hữu cơ với bản sắc và kinh nghiệm sống của cô. Rừng không chỉ là nguồn cung cấp sự sống mà còn là nơi âm thanh và nhịp điệu sinh hoạt hòa quyện, tạo nên một sự gắn kết tự nhiên, không thể tách rời. Đây là một không gian thống nhất, nơi chủ thể con người nơi đây và môi trường hòa quyện, không tồn tại sự xa lạ hay ngăn cách. Ngược lại, Dinh cảm nhận núi rừng là một không gian hoàn toàn xa lạ, thậm chí là không gian giam hãm. Mặc dù được Y Kla ân cần chăm sóc và hưởng thụ những nguồn sống từ rừng, anh không thể hòa nhập. Những âm thanh của núi rừng, thay vì mang lại sự sống, lại đưa tâm hồn anh vào “tận rú thẳm khe sâu, huyền lực âm thanh như khơi dậy nỗi buồn nặng nề” [5, Tr. 13]. Đối với Dinh, rừng không phải là nơi nuôi dưỡng mà là nơi bào mòn ý chí sống. Lời thú nhận đầy giằng xé “Tôi chết dần chết mòn ở trong cái núi, cái rừng. Để tôi về với ruộng đồng...” [5, Tr. 24] thể hiện rõ sự phân tách sâu sắc giữa không gian hiện tại (núi rừng) và không gian thuộc về anh (ruộng đồng). Đây là minh chứng cho sự đứt gãy giữa chủ thể và môi trường, khi kinh nghiệm cá nhân và vốn sống không thể tương thích với cảnh quan.

Trong lời tâm sự với Y Kla, Dinh ví mình như chiếc lá lìa cành – một hình ảnh ẩn dụ giàu sức gợi về sự rời bỏ, nỗi cô đơn và cảm giác bị bật rễ khỏi nơi chốn. Anh xem “Con người như chiếc lá, quê hương cũng như cái cây, lá phải lìa cành thì lá phải héo, phải khô và rồi lá chết...” [5, Tr. 24]. Đây không đơn thuần là một so sánh mang tính trữ tình mà còn bộc lộ trạng thái bất an sâu sắc trong nội tâm nhân vật – một người “tạm trú” trong không gian rừng núi nhưng luôn đau đáu hướng về đồng bằng như một miền ký ức định danh bản thân. Mặc dù Dinh khẳng định trở về đồng bằng chỉ là để “thăm cho đỡ nhớ” [5, Tr. 24] nhưng thực chất đó là một cuộc đào thoát mang tính bản năng khỏi vùng cảnh quan mà anh không thể đồng hóa, nơi mà

mọi thứ khiến anh cảm thấy lạc lõng và mất phương hướng. Rừng núi Tây Nguyên dù hùng vĩ, trù phú và từng là nơi khơi dậy những cảm xúc mới mẻ vẫn hiện diện như một “vùng cảnh quan khác lạ” nhưng anh luôn cảm thấy mình là kẻ bên ngoài. Dinh không thể thâm nhập sâu vào đời sống văn hóa, ngôn ngữ và nhịp sinh hoạt của cộng đồng bản địa. Lúc này, việc mong muốn tìm về quê hương, về đồng bằng không chỉ là nỗi nhớ quê nhà mà còn là biểu hiện của một thân phận đang tìm kiếm lại sự ổn định, căn tin, và sự đồng điệu vốn đã bị thử thách trong không gian rừng núi. Còn nỗi lòng của Y Kla là canh cánh nỗi sợ anh không quay lại vì “cái suối, cái sông chảy xuống đồng bằng làm sao trở lại trên non?” [5, Tr. 25]. Dinh dỗ dành: “con người khác cái suối, cái sông... chỉ biết tìm về chỗ thấp, con người lại biết tìm đến nơi cao, bởi vì con người có đôi chân và một tấm lòng có thể đi ngược sườn non mà lên đỉnh núi” [5, Tr. 25]. Sự chống đỡ yếu ớt ấy với hi vọng phần nào xoa dịu tâm hồn của Y Kla.

Từ góc nhìn giới, cách tri nhận cảnh quan Tây Nguyên giữa Y Kla và Dinh có sự khác biệt. Nhà văn đã khéo léo xây dựng những đoạn đối thoại ngắn nhưng làm nổi bật sự đối lập trong cảm thức không gian sống, phản ánh những khác biệt giới trong cách tư duy và cảm nhận cảnh quan:

- *Kla cùng về cái quê, cùng đi với Dinh xuống dưới đồng bằng!*
- *Kla đừng đi. Đừng đi xa như thế.*
- *Kla ở lại núi rừng, chăm lấy rẫy nương, Kla đừng nên đi về miền xa lạ.* [5, Tr. 26]

Với trực giác và bản năng giới tính của một người phụ nữ gắn bó lâu đời với núi rừng, Y Kla bày tỏ về cách nhìn nhận mọi việc bằng “sự lo âu thực tế của người đàn bà” [5, Tr. 27]. Cô hiểu rõ sự khắc nghiệt của thiên nhiên và những hiểm nguy rập rập giữa rừng già nên kiên quyết “Dinh không đi được một mình, không đi một mình được đâu” [5, Tr. 27]. Trái ngược với Y Kla, Dinh phát ngôn “bằng mơ ước phiêu lưu của kẻ đàn ông” [5, Tr. 27], mang trong mình khát vọng phiêu lưu, khao khát tự do mà không suy nghĩ đến hiểm nguy của núi rừng. Khi Dinh đang chìm đắm trong viễn cảnh thoát ly để tìm lại miền ký ức thì Y Kla kéo anh trở về với thực tại khắc nghiệt của núi rừng. Bằng lời nhắc đầy ám ảnh “- ...có nhớ cái ngày Dinh đến buôn không?”, “- Dinh đi lạc lối vào trong rú thẳm, Dinh đi rơi xuống những chỗ hố sâu. Cọp nhiều, trăn nhiều, đói khát, khổ lắm” [5, Tr. 27]. Điều này chạm sâu vào tâm khảm anh, khiến anh nhận ra sự yếu thế của mình trong môi trường hoang dã, nơi Y Kla mới là người nắm quyền chủ động. Cuối cùng, anh chỉ biết “cúi đầu yên lặng” như thừa nhận sự phụ thuộc vợ “không có Kla, làm sao anh vượt qua khỏi vòng vây khủng khiếp của núi rừng này?” [5, Tr. 27]. Để rồi anh “se sẽ gật đầu” đồng ý cho Y Kla cùng mình về thăm quê hương nhưng chứa những giằng xé nội tâm sâu sắc khi anh phải lựa chọn giữa hai thế giới: miền núi và đồng bằng; giữa thực tế khắc nghiệt và những mộng tưởng phiêu lưu.

Trước hành trình về xuôi, bằng những kinh nghiệm của người phụ nữ gắn bó với núi rừng, Y Kla đã “dò hỏi tiếng suối, gió sương, những cành hoa dại... lắng nghe tiếng chim kêu, ngắm nhìn những rừng sao” [5, Tr. 28] để đưa ra kết luận về thời tiết, trời sẽ “nắng lâu dài, thuận lợi cho hai vợ chồng có thể vượt suối, dòng sông trước mùa mưa lũ” [5, Tr. 28]. Với niềm tin giản dị, Y Kla cùng chồng băng qua những cánh rừng già âm u, vượt những thác nước trắng xóa, những bản làng heo hút cheo leo bên sườn núi, những chiếc cầu dây mong manh bắc qua vực sâu thăm thẳm... để mong muốn tìm kiếm hạnh phúc ở miền xuôi. Trong suốt hành trình “Dinh nổi gót Y Kla, chăm chú nhìn theo chị như một người dẫn đường thông thạo” [5, Tr. 30]. Anh hoàn toàn tin tưởng chị vì anh biết “không thể nào thiếu được Y Kla giữa chốn núi rừng. Y Kla là sự dẫn lối, là sức chở che, Y Kla rẽ lá, vạch cây, xuống dốc lên đương, trầm tĩnh khôn ngoan, nhỏ bé mà hiên ngang, âm thầm mà cương quyết” [5, Tr. 30]. Anh ví vợ mình khi đi giữa núi rừng như “cá lội trong sóng nước” [5, Tr. 30].

Nhưng suy nghĩ ấy dần phai nhạt khi họ tiến gần hơn đến đồng bằng. Dinh tự hỏi: “Rồi mai kia Y Kla sẽ như thế nào ở trong khung cảnh đồng quê bằng phẳng?” [5, Tr. 31]. Anh hiểu hơn ai hết vợ mình giống như “con cá đã quen với sóng trùng dương chát mặn, liệu có sống nổi trong chất lỏng ngọt nhạt nhẽo của nước ao hồ?” [5, Tr. 31]. Nỗi lo càng tăng lên khi anh biết tin vợ đã mang thai. Trong anh là sự hỗn loạn, vừa cảm thấy “quá nhiều tàn nhẫn” với Y Kla, vừa lo lắng cho đứa trẻ sắp chào đời. Nếu sinh ra ở đồng bằng, không có “cái rẫy, cái nương, chỉ có cái ruộng, cái vườn”, không có “nhà sàn” thì cuộc sống của con sẽ ra sao? Trái ngược với những trăn trở của chồng, Y Kla vui vẻ lạ thường. Chị thích nói về con mà không bận tâm đến việc đưa con trong bụng là trai hay gái – điều mà chị xem là “mọi rợ của rất nhiều người dưới miền xuôi” [5, Tr. 36]. Sự đối lập trong cảm nhận của hai vợ chồng không chỉ phản ánh khoảng cách giữa hai nền văn hóa: miền núi và đồng bằng mà còn hé lộ những đứt gãy âm thầm nhưng dữ dội trong hành trình kiếm tìm sự hòa hợp giữa bản sắc và sự thích nghi.

Nhưng khi con dốc cuối cùng mở xuống miền đồng bằng bát ngát hiện ra, Y Kla thấy “hốt hoảng hẳn lên”, mọi thứ dường như đã mất, chị trôi dạt trong nỗi cô đơn, không còn điểm tựa. Rừng núi như một bức màn khép lại giữ kín những bí mật thâm sâu, trước mắt cô là một cánh đồng trải dài vô tận, xa lạ và trống trải. Cô không biết những thứ ở đồng bằng như “con vật kì quái lừ lừ tiến đến... mùi khét nồng khó thở” làm cô “dồn dợn như muốn nôn mửa” [5, Tr. 51] là cái xe chò sản vật; cô không chấp nhận được cách mà con người đối xử với con người thật quá nhẫn tâm “vợ chồng không được nằm kề gần nhau trong nhà người khác” [5, Tr. 57]... và vẻ mặt lạnh lùng, sự im lặng của Dinh cùng những ánh mắt, lời nói đầy chế giễu của những người xung quanh... tất cả đã dẫn lối cho cô hiểu rằng “chỉ có núi rừng mới là nơi thực sự thuộc về mình” [5, Tr. 58], nơi cô tìm lại được bản ngã của cuộc đời.

Cô nhận ra, nếu Dinh là kẻ lạc loài ở vùng núi thì mình là kẻ lạc loài ở vùng đồng bằng vì cô thực sự “bỡ ngỡ trước cảnh trí dần dần thay đổi” [4, Tr. 38]. Như có “ma lực khác thường, Y Kla vội vàng quay vào, mang lấy chiếc gùi trên vai, chạy vụt ra ngoài trắng sáng... như muốn

thoát thật mau, thật xa khung cảnh đã làm quấy phiền lòng chị” [5, Tr. 59]. Y Kla khao khát vươn mình chạm đỉnh núi xa xăm như thể muốn níu giữ linh hồn đang trôi dạt. Cô cần tìm lại cội nguồn sức mạnh, tìm lại sự sống, tìm lại dòng máu chảy trong huyết quản. Cô phải trở về để hòa mình vào thiên nhiên hùng vĩ ấy! Cô muốn ôm ghì lấy nó, muốn “đá núi cào xé đôi chân, gai rừng cào nát da thịt, tiếng cồng chiêng vang vọng đến điếc tai, khói núi, khói buồn mò mịt che phủ tầm mắt và lớp đất đỏ nồng nàn của nương rẫy mãi mãi thấm vào thân thể mình” [5, Tr. 79]. Cô có thể đắm chìm trong nó, lẫn lộn trong từng hơi thở của núi rừng, uống trọn từng dòng suối mát lành, no nê với hương vị của núi rừng, đau khổ cùng những khắc nghiệt của núi rừng.

Nhưng hành trình trở về lại với núi rừng không hề dễ dàng “chị thấy con đường bằng phẳng bước đi khó nhọc hơn là con đường gập ghềnh dốc đá... nhúc nhủi vô cùng” [5, Tr. 61]. Y Kla hối hả bước để có thể rút ngắn khoảng cách với núi rừng thân thuộc “thấy được núi rừng, Y Kla mới thực yên lòng” [5, Tr. 64]. Với cái nắng gắt bỏng rát, sự phản chiếu của cát trắng ở đồng bằng làm thân thể chị “rã rời, con khát đốt cháy cuống họng” [5, Tr. 63]. Nếu như trong rừng, chị dễ dàng bắt gặp cành dây phok² chứa nước, còn ở đây, tất cả kỹ năng sinh tồn trở nên vô nghĩa. Con đói, con khát đã khiến Y Kla “mắt mờ đi, đầu chị lả xuống, chiếc rựa rời khỏi bàn tay... chị ngã xoài ra như thân cây mục không còn chịu được trước cơn bão lốc” [5, Tr. 72]. Tuy vậy, bằng ý chí phi thường và sức mạnh của tình mẫu tử đã giúp chị tỉnh lại, gắng gượng tìm kiếm thức ăn để đưa con chưa chào đời không phải chết theo chị. Y Kla cố “lùa bàn tay ma quái của mình vào lòng đất xâm chiếm những gì không phải do công sức mình vun trồng” [5, Tr. 73]. Khi con đói đã dụi, chị bất giác thấy mình “là hồn ma lạc lõng phải đuổi xua đi ra khỏi dân buôn” [5, Tr. 73] vì đã “phạm vào những điều cấm kỵ thiêng liêng” [5, Tr. 73]. Cảm giác không chỉ là sự xấu hổ, mặc cảm mà còn là nỗi đau đớn tột cùng khi bản thân đã làm điều xấu.

Sức mạnh tiềm ẩn trong Y Kla được bộc lộ rõ khi cô một mình sinh con trong rừng sâu. Khi đứa bé ấy chào đời “chị thấy qua đứa trẻ thơ – một đứa con gái – hình ảnh mai sau của mình, thoăn thoắt đi trên những sườn núi cao, ca hát ở trong vùng rậm” [5, Tr. 77]. Những ngày sau đó, hai mẹ con tiếp tục hành trình tìm về với buôn làng và cội nguồn. Giữa không gian hoang dã, Y Kla là người mẹ bản lĩnh, là biểu tượng của trí tuệ, bản năng sinh tồn và sự thích nghi vượt trội của con người với cảnh quan khắc nghiệt. Bằng sự tinh tường và kinh nghiệm sống được tích lũy qua năm tháng gắn bó với rừng núi, cô dễ dàng giết chết con trăn, một loài vật nguy hiểm của rừng sâu rồi bình thản xẻ phần ức “phần thịt ngon nhất...” [5, Tr. 77] để làm lương thực dự trữ cho đoạn đường kế tiếp. Hành động ấy cho thấy khả năng làm chủ thiên nhiên và sự bình tĩnh, điềm nhiên của người phụ nữ miền núi trước hiểm họa vốn là điều quen thuộc trong nhịp sống rừng thiêng.

² Phok: còn gọi là dây ma, ruột rỗng, chứa đầy nước.

Tuy nhiên, Y Kla không dễ dàng vượt qua với hổ – loài vật mang tính biểu tượng của sự chết chóc, quyền lực và nỗi sợ nguyên thủy. “Bỗng “soạt”! con hổ phóng tới” [5, Tr. 94], tình huống ấy đặt cô vào ranh giới giữa sự sống và cái chết. Cô nhanh trí nhớ lời ông chúa làng dạy “con hổ bao giờ cũng vồ về phía bên trái của nó” [5, Tr. 94] nên chị đã “nhảy về phía bên trái của mình” [5, Tr. 94]. Nhờ kinh nghiệm đó cô đã tạm thoát khỏi nanh vuốt của con hổ. Tuy vậy, nó vẫn không buông tha mà quay lại “hòm chị” với “cặp mắt không chớp, vành môi nhếch lên lộ những chiếc răng nhọn hoắt trong một dáng điệu gầm gừ” [5, Tr. 94] và dồn chị về phía con suối. Thật may mắn, Y Kla đã thoát chết trong gang tấc khi xuôi theo dòng nước xoáy và được những con trâu đang lội suối chặn lại, sau đó được bàn tay Nhúc kéo mẹ con chị lên bờ.

Tuy vậy, trong khoảnh khắc đơn độc giữa núi rừng hiểm nguy, Y Kla vô thức hồi tưởng về những ngày cùng Dinh vượt rừng mà bộc lộ một cảm thức giới sâu sắc: “bao nhiêu ngày dài chị đi với Dinh qua núi qua rừng, chẳng gặp một con hổ nào đe dọa. Có người đàn ông khỏe mạnh bên mình cũng vui đấy chứ. Nó làm cho mình yên cái bụng hơn, khỏi phải lo âu, sợ hãi điều gì” [5, Tr. 93]. Câu nói tưởng như đơn giản ấy đã chạm tới một tầng sâu của tâm lý nữ giới trong không gian sống bất ổn: sự hiện diện của người đàn ông như thứ “bùa hộ mệnh” mang đến một cảm giác yên tâm được hình thành từ khuôn mẫu giới truyền thống. Y Kla, dù mạnh mẽ và chủ động trước thiên nhiên vẫn không hoàn toàn thoát khỏi cảm thức phụ thuộc về mặt tâm lý khi đối diện với nguy hiểm cận kề.

Có thể thấy, *Lửa rừng* khắc họa người phụ nữ bản địa từ vị thế giới tính đậm dấu ấn văn hóa mẫu hệ. Bằng cách xây dựng sự tương tác giữa nhân vật nam và nữ với cảnh quan. Tác phẩm đã làm nổi bật sự phân công vai trò giới trong cảnh quan tự nhiên. Bằng trực giác và kinh nghiệm của người vợ, người mẹ, Y Kla cảm nhận rừng là nguồn sống, nơi che chở. Rừng trong cô vừa là “cảnh quan nữ tính” (feminine landscape) hiền hòa, vừa ẩn chứa hiểm nguy, qua đó làm nổi bật bản lĩnh người phụ nữ vượt qua định kiến để làm chủ không gian sống và sinh tồn trong môi trường khắc nghiệt, nơi sinh tồn đòi hỏi sự gan dạ và kinh nghiệm bản địa truyền đời. Ngược lại, Dinh, người đàn ông miền xuôi bị tác động tiêu cực bởi cảnh quan núi rừng. Sự đối lập này đã phá vỡ định kiến giới, cho thấy mối quan hệ đa chiều giữa con người và cảnh quan trong bối cảnh lịch sử đầy biến động.

2.3.2. *Cảnh quan trong Lửa rừng với tâm thức sắc tộc*

Trong *Lửa rừng*, cảnh quan không hiện ra như một thực thể khách quan mà luôn được nhìn qua lăng kính của người Kinh, người Thượng và người Pháp. Ở đó, mỗi chủ thể gắn với một hệ diễn ngôn riêng về cảnh quan.

Đối với Dinh, một chàng trai người Kinh quen sống ở vùng đồng bằng và mang nỗi nhớ quê hương da diết thì cảnh quan rừng núi lại rất xa lạ, hiểm trở và đầy rủi ro. Dinh cảm thấy rừng như một “bản án lặng lẽ” giam giữ mình. Anh luôn hướng về đồng bằng như miền quê nội tâm, nơi chứa đựng ký ức, trật tự xã hội. Giấc ngủ kéo anh vào những miền nhớ, đưa anh về

lại quê hương với những “*kỉ niệm tôi rời*” [5, Tr. 22], nơi đó là phố xá đông đúc, xe cộ tấp nập, con người chen chúc nhau. Như Nguyễn Thùy Linh đã nói: “Từ kí ức của chính tuổi thơ mình như một thước phim quay chậm, khiến phong cảnh được soi chiếu thành tâm cảnh” [9, Tr. 238]. Thật vậy, buôn Nước Chồ cũng lùi sau cho những kí ức tuổi thơ về những tháng ngày Dinh sống ở đồng bằng: con đường ruộng “nguồn ngào dẫn về xóm thôn”; mái nhà tranh “hiên lành ắp ủ bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu kỷ niệm”; những người bà con, láng giềng cùng “ngôi nhà cổ kính” và “bãi tha ma đầu hiu”; mùi giường chiếu xa xưa, “mùi vị mặn nồng com nắm thuở nào” [5, Tr. 22]... là những hình ảnh đã giày vò, giết chết tâm hồn, thể xác khiến anh “mệt mỏi, buồn bã” tiêu tụy đi trông thấy. Chính Y Kla cũng cảm nhận được sự thay đổi rõ rệt của chồng. Cô lo lắng và làm những phép bùa để “xua đuổi tà ma ám ảnh chồng” [5, Tr. 23]. Trong mối đối lập giữa cảnh quan rừng núi và miền đồng bằng ký ức, Dinh hiện lên như một kẻ tha hương ngay chính nơi mình đang sống, mang theo nỗi dằn vặt của một thân phận không thể hòa nhập và cũng không đủ mạnh để đoạn tuyệt thân phận bị kéo giằng giữa hai miền đất và hai hệ quy chiếu văn hóa.

Sau những giấc ngủ chập chờn, anh bừng tỉnh, bao nhiêu câu hỏi hiện lên trong đầu “mình đang nằm nơi nào” [5, Tr. 18]; ở cái nơi này “không biết rõ bao nhiêu ngày tháng trôi qua” [5, Tr. 18]... Và thực tại đã kéo anh lại, anh nhớ những gian khổ mà anh và những người bạn của mình đã trải qua. Họ không được may mắn như anh, họ đã phải chết thảm khốc trong rừng sâu núi thẳm, trong cái gọi là “rừng thiêng nước độc” này. Chính sự khác biệt về môi trường sống, về văn hóa khiến Dinh tự xem mình như “kẻ lạc loài”, có chăng chỉ có hình hài anh là “đượm màu rừng núi” còn “phần hồn vẫn vọng về một nẻo đồng bằng xa xôi” [5, Tr. 17-18]. Anh cảm thấy ngột ngạt giữa núi rừng, nơi mọi thứ trở nên xa lạ và không còn hấp dẫn.

Khác hẳn với cảm quan của người Kinh, đối với người Thượng như Y Kla hay cộng đồng dân làng Nước Chồ được sinh ra từ núi rừng, được núi rừng nuôi dưỡng bằng cây cỏ, trái rừng “chín thom trĩu nặng trên cành” và “cá ngọt lội đầy khe suối, thịt rừng béo bổ chạy nhảy nhón nhơ khắp núi” [5, Tr. 224] nên cô trở nên thật “linh hoạt, tự nhiên như hầu hết cô gái miền Thượng sống xa phố phường, ở sâu giữa chốn rừng già, còn nguyên bản sắc thô sơ hợp với khung cảnh của mình” [5, Tr. 14]. Họ xem rừng là “máu thịt”, rừng không chỉ cung cấp nguồn sống, nơi trú ẩn, sinh nở, lưu giữ ký ức và chống lại xâm lăng mà còn là không gian thiêng liêng gắn bó mật thiết với đời sống tâm linh và bản sắc tộc người. Đối với họ, mối quan hệ giữa con người và cảnh quan thiên nhiên không chỉ là sự nương tựa mà còn là sự tôn trọng, hòa quyện, tạo nên cuộc sống hài hòa, nơi con người biết ơn và trân trọng những gì rừng đã ban tặng. Vì thế, họ luôn luôn sống trong trạng thái “không tách biệt giữa thế giới hiện hữu và thế giới siêu hình, mọi hành động của con người đều có thể bị chi phối bởi quan niệm siêu hình ấy...” [1]. Điều này được thể hiện qua thời gian Dinh sống trong cộng đồng người Thượng, được làm quen với những quy định nghiêm ngặt của văn hóa nơi đây, anh nhận thấy họ “tôn trọng thánh thần ma quỷ từ bên máng nước cho đến bờ nương” [5, Tr. 209]. Họ xem thiên nhiên như người

sinh ra họ, thần linh nuôi dạy họ. Tuy vậy, dù gần gũi và hiểu biết về thiên nhiên nhưng vẫn có những điều kỳ diệu, thiêng liêng được ẩn chứa trong sự “thầm kín giấu những nấm mồ”; nơi “con người mất đi, rừng núi vẫn còn”; nơi những câu chuyện cổ tích “ngàn đời chìm trong bóng tối ma quái, thần linh” [5, Tr. 181]... mà họ không thể giải thích được. Chính Dinh cũng cảm thấy Y Kla mang một vẻ đẹp tựa như “núi rừng hoang vu, điểm thêm đôi nét huyền hoặc của các cổ tích miền xuôi nói về những sự xuất hiện ma quái lạ lùng mà anh được nghe từ hồi thơ ấu” [5, Tr. 13-14]. Từ đó, có thể thấy rằng đối với người Thượng, rừng không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là không gian biểu tượng – nơi lưu giữ ký ức, tâm linh và bản sắc tộc người – một thế giới mà người ngoài như Dinh dù có cảm mến, tò mò và tiếp cận nhưng vẫn khó lòng thấu hiểu trọn vẹn được chiều sâu linh thiêng và huyền nhiệm của nó.

Trong *Lửa rừng*, cảnh quan thiêng liêng được nhà văn Vũ Hạnh ví như “một vị thần độ mạng” [5, Tr. 19] chứa đựng những luật lệ nghiêm ngặt. Người Thượng tuân thủ quy tắc chỉ lấy những sản vật tự nhiên từ rừng, không xâm phạm đến cây trồng của con người ngay cả khi đói khát. Hay xác chết của những kẻ phản bội bị “ném xuống hố sâu cho khỏi dơ bẩn núi rừng” [5, Tr. 220] cho thấy sự tôn trọng của họ đối với rừng, đối với thiên nhiên. Chính nhân vật Y Kla tự nhận rằng mình đã sống quen với sự tôn trọng, kính cẩn tuyệt đối những luật lệ tinh thần truyền đời của bộ tộc và xem đó như là “tính cách thiêng liêng, một sự cấm kỵ” [5, Tr. 70]. Điều này đã ngăn cách giữa anh và Y Kla từ tâm hồn cho đến thể xác, đối với anh, bây giờ “Y Kla đã hết những gì huyền bí, xa xôi mà chỉ là một tâm hồn đơn giản quẩn quít lấy anh như tuân theo sự ràng buộc âm u của sức kêu đòi giới tính” [5, Tr. 23]. Qua đó, cảnh quan trong *Lửa rừng* là một không gian thiêng liêng mang tính quy phạm, nơi luật lệ của rừng chi phối đời sống cộng đồng và định hình những ranh giới vô hình giữa các nền văn hóa, ranh giới mà Dinh với tư cách là kẻ ngoài cuộc, không thể vượt qua, dù bằng tình yêu hay khao khát đồng hóa.

Đối với bọn Pháp, với tư cách là những kẻ xâm lược, chúng nhìn cảnh quan Tây Nguyên như một nguồn tài nguyên để khai thác, một không gian để chinh phục. Khi Pháp kéo đến xâm lược, cảnh quan rừng núi càng được thể hiện rõ giá trị trong sự đối lập về quyền lực, về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên phản ánh thông qua không gian chiến trận – cảnh quan do con người kiến tạo – nơi diễn ra những trận đánh ác liệt, những cuộc đấu trí căng thẳng giữa các bên tham chiến. Tuy phải đối mặt với những kẻ “da trắng, mắt xanh như loài quỷ dữ” [5, Tr. 195] tự xưng là “người Đại Pháp” cùng tay sai là người Doan³ và “một số người Thượng” kéo đến chiếm cứ đỉnh núi Pu Nang, chúng muốn cai trị người dân Nước Chò. Mặc những trận bom đạn tàn khốc, tiếng nổ chát chúa “xé rách lá rừng, xoi thủng núi, đâm toạc những cây to lớn chung quanh” [5, Tr. 189] dội lên những cánh rừng; những ngôi nhà bị bọn Pháp đốt sạch, chúng “bắn súng rào rào” hòng uy hiếp tinh thần người dân... nhưng người dân Nước Chò vẫn không hề run sợ, vẫn giữ vững niềm tin vào sức mạnh của mình “cái ông trời kia sét đánh xuống buồn ta cũng không giết được nhiều người, làm sao bọn quỷ có thể sát hại chúng ta

³ Doan: Tiếng người Thượng gọi người Việt (Tác giả bài viết trích dẫn theo tác giả Vũ Hạnh viết trong tác phẩm).

nhieu được?" [5, Tr. 195]. Họ kiên quyết bảo vệ buôn làng cùng lời tuyên bố mạnh mẽ của ông chúa làng "kẻ nào sợ hãi không phải là dân làng này" [5, Tr. 195]. Họ không chấp nhận sự cai trị của ngoại bang vì từ bao đời nay "những người Ba Na, Ê Đê, Mơ Nông" [5, Tr. 194] đã tự do sống giữa núi rừng, không cần bất kỳ kẻ nào thống trị.

Không đạt được mục đích bằng vũ trang, bọn giặc lại quay sang hòa hoãn bằng cách mong kết giao làm bạn "- Bó ông chúa làng! Hãy ra nói chuyện đi nào! Chúng ta là bạn của các người đây" [5, Tr. 193]. Tuy vậy, người dân Nước Chò không tin vào những lời dụ dỗ ngon ngọt ấy "ta không thấy ai là bạn ta trong các người đâu" [5, Tr. 193]. Dưới sự lãnh đạo của ông chúa làng, người dân Nước Chò tận dụng địa hình rừng núi hiểm trở mỗi người có một nhiệm vụ, trẻ em và người già lo việc di tản đồ đạc, gia súc "giấu trong các khe núi, lùm cây và ngựa, khiêng heo, quây gà vào các nương rẫy xa khuất" [5, Tr. 214]; những người đàn ông, thanh niên và phụ nữ chuẩn bị vũ khí: cung nỏ, tên độc, hầm chông, giáo nhọn, rựa tránh... sẵn sàng cho cuộc chiến. Họ áp dụng chiến thuật du kích, dụ địch vào bẫy chông, bẫy đá để ngăn "bọn quỷ" không vào buôn. Những cánh rừng rậm rạp và suối quanh co đã trở thành căn cứ địa cách mạng, pháo đài tự nhiên vững chắc bảo vệ người dân Nước Chò.

Đối với dân tộc thiểu số Tây Nguyên, cảnh quan là một kho tàng văn hóa, nơi chứa đựng bản sắc tộc người, lịch sử cộng đồng và những giá trị tâm linh thiêng liêng. Các yếu tố như rừng, núi, sông, suối, nương rẫy... không chỉ là những phong nền tĩnh lặng mà được "nội tâm hóa" để trở thành một thành tố quan trọng trong đời sống tâm linh, phong tục tập quán của cộng đồng bản địa. Khi tiếp cận *Lửa rừng* từ góc độ này cho thấy cảnh quan Tây Nguyên được khắc họa như một không gian sắc tộc được cảm nhận và trân trọng bằng cả linh hồn và huyết nhục – nơi mỗi tấc rừng, dòng suối đều hàm chứa giá trị văn hóa và tinh thần sâu sắc.

2.3.3. Cảnh quan trong *Lửa rừng* – Sự thức tỉnh và mối liên hệ với các vấn đề xã hội

Trong *Lửa rừng*, nhà văn Vũ Hạnh đã tái hiện một tập tục của những người dân cư trú vùng Trường Sơn – Tây Nguyên diễn ra vào giai đoạn 1895-1920. Sau vụ mùa, những cô gái chưa chồng bị ép ngồi thành vòng tròn giữa sân lễ, phơi trần bộ ngực mặc "sự giày vò của những người đàn ông trong buôn" [5, Tr. 20]. Có lẽ, trong nhận thức của những người dân Tây Nguyên lúc bấy giờ, đây chỉ đơn giản là một tục lệ nhằm đánh thức về giới, đánh dấu sự trưởng thành của các cô gái tương tự như tục "*cà răng căng tai*". Tuy vậy, những bàn tay thô kệch, tàn nhẫn ấy khiến các cô gái phải chịu đựng sự đau đớn về thể xác cùng nỗi tủi hổ. Họ chỉ có thể cúi đầu, nén nhịn nỗi đau đến khi cuộc vui kết thúc, những gã đàn ông say mềm ngã lăn ra đất họ mới vội vã che thân, lặng lẽ trở về nhà. Y Kla cũng từng trải qua những đêm lễ như vậy. Ban đầu, chị cũng thoáng chốc cảm thấy chút xao động mơ hồ, một ham muốn bản năng trỗi dậy nhưng rồi cảm giác đau đớn lan dần, trở thành nỗi ám ảnh về đàn ông. Chị vừa sợ hãi vừa bị cuốn vào vòng xoáy của những quy tắc tằm tối cũ mà chị xem như "sức mạnh âm u

mãnh liệt khác thường” [5, Tr. 20], nơi bản năng và sự áp đặt của xã hội đã trói buộc số phận người phụ nữ một cách nghiệt ngã không sao thoát ra được.

Bên cạnh đó, nhà văn đã khéo léo thể hiện mối quan hệ giữa các dân tộc thông qua việc bộc lộ những khác biệt trong quan niệm về nhân sinh. Y Kla từng thốt lên rằng “không thể tin được người Doan. Cái bụng họ không tốt đâu” [5, Tr. 146] mà cô đâu biết người Doan cũng có người tốt như Nhúc. Và rồi cô được ông Yon giải thích rằng “Cái con ê-mông⁴ thích sống trong rừng mà con ê-mô⁵ ưa nơi đồng ruộng, cái cây kơ-nia⁶ thích hít gió ở trời cao mà cây ki-cha⁷ lại thèm hơi thở trên bờ đất thấp. Người đàn ông đó là con ê-mô, là cây ki-cha, bảo nó sống với núi rừng sao được? Không ai ép dòng suối khỏi trôi xuôi, không ai bắt được người kia quay lưng lại với đồng bằng” [5, Tr. 146]. Y Kla được ví như cọp, cây kơ-nia (những thứ đặc trưng của miền núi) còn Dinh như con bò, cây ki-cha (vốn thuộc về đồng bằng nó thật sự xa lạ với núi rừng) ngụ ý không thể ép buộc con người gắn bó với nơi không thuộc về họ. Lúc này, nhà văn để ông Yon thay lời mình gửi gắm quan niệm về nhân sinh: mỗi sinh vật sẽ có môi trường sống riêng; Hay như cuộc đối thoại giữa Tha Na và Kơ Rít “bọn ta với bọn người Doan cùng một cha mẹ sinh ra, ta được chia phần trên cao, họ được chia phần dưới thấp... người Doan với ta là anh em” [5, Tr. 140]. Câu nói này không chỉ phản ánh sự phân cắt về không gian sống mà còn thể hiện rõ mối quan hệ giữa các dân tộc. Tuy vậy, nhà văn khẳng định “là anh em” lại là nỗ lực xóa mờ ranh giới phân biệt, nhấn mạnh mối dây liên kết huyết thống, cộng đồng và trách nhiệm chung trong cùng một không gian văn hóa.

Điều đặc biệt, tiểu thuyết này được viết trong bối cảnh lịch sử khá phức tạp, sự phân hóa giai cấp cũng được nhà văn thể hiện khá rõ nét. Nhà văn đã khắc họa chân thực cảnh người dân phải chịu đựng cảnh “một cổ hai tròng”, vừa bị thực dân Pháp cai trị và đô hộ, vừa bị địa chủ phong kiến bóc lột. Ở buôn Nước Ràng, chúa làng Niê Yon cai quản triền dốc U-Plây xuống đồi U-Nang đến núi Bu-Na “nương rẫy ngàn ngút tươi xanh trên những triền núi phì nhiêu. Những dòng suối bạc lượn lờ... sống no đủ trên ngôi nhà sàn lớn nhất, với những nồi đồng đỏ chói, với những chén sành vàng hau” [5, Tr. 125]. Người vợ là Hơ Ngốt tuy “không sinh được mụn con nào, nhưng trâu và ngựa và heo nhiều đấy, lo âu bận rộn tháng ngày” [5, Tr. 125]. Và cô em gái Hơ Bia “địu dàng dệt vải sau khung cửa liếp, giã thuốc bên ngọn lửa hồng” [5, Tr. 125] cùng em trai là Nhúc “chuyên cần làm việc, gieo lúa trên nương, giữ trâu trong núi, không nghe một tiếng kêu than” [5, Tr. 125]. Trong một phút đại đột, Niê Yon bỗng “mất hết, mất rẫy, mất nương, mất heo, mất trâu, mất luôn cả ngựa, cả nôi. Cái gì ta có, thì ta phải mất... mất luôn cả vợ” [5, Tr. 128] vào tay Kơ Rít – một kẻ tay sai của quân Pháp. Từ một chúa làng ông Yon bỗng biến thành người làm cho Kơ Rít “nó bắt ta sống với bầy ngựa”, còn Nhúc thì sống với

⁴ Ê-mông: con cọp.

⁵ Ê-mô: con bò.

⁶ Kơ-nia: cây cầy, thân lớn.

⁷ Ki-cha: cây gai, lá nhỏ, bụi thấp.

“bầy trâu kia” [5, Tr. 137], vợ của Yon cũng thành vợ của Kơ Rít, tất cả những gì của Yon đều thuộc về tên quý này. Không chịu được sự đả kích, em gái Hơ Bia đã “vào rừng rạch mù cây krao mà uống, để sống trong một cõi khác” [5, Tr. 133]. Sự bất hạnh đáng thương nhất phải kể đến Hơ Ngốt, dù không đồng ý nhưng cô sợ “tiếng nổ lớn vang lên hơn cả trời gầm” [5, Tr. 136] nên đành phải “sống với nó”. Ngay cả chúa làng Niê Yon cũng khiếp sợ điều đó, ông cũng không dám kháng cự để rồi ngày ngày chứng kiến “hình ảnh Hơ Ngốt sống với Kơ Rít làm Yon khổ lắm” [5, Tr. 137] vì ông nghĩ Kơ Rít có “bùa phép lạ lùng”. Y Kla cũng từng bị Kơ Rít đòi bắt về làm vợ vì bị thu hút bởi vẻ đẹp hoang dại từ cô “mắt sáng như sao, mềm dịu như một con rắn, vừa mạnh như cây y-nghiêng”⁸, “rực rỡ của một chòm hoa hò-ruê a-rinh”⁹ nhưng lại “ưa nhìn như một cái bông brang-vit”¹⁰ [5, Tr. 151]. Khác với Hơ Ngốt hay Niê Yon, Y Kla không chịu khuất phục trước tên chúa làng hung ác này, cô bàn bạc và cùng ông Yon, anh Nhúc trốn chạy.

Sự tàn ác của thằng Kơ Rít ngày càng tăng lên, hắn được tiếp tay của bọn Pháp. Chúng cung cấp cái ná lửa (súng) để thằng Kơ Rít đe dọa và giết hại dân lành như cái cách mà bọn Pháp áp lên người Doan vậy. Chúng coi con người không bằng “cả heo cả trâu” vì chúng bắt người Doan “về nhốt trong chuồng... chật chội lắm. Tối như là cái hang cóc, hôi hơn là cái ổ chuột” [5, Tr. 139]. Không dùng lại ở đó, chúng đánh đập, hành hạ bằng roi da, gậy lớn “đánh như đánh con ngựa, con trâu” [5, Tr. 139] chỉ vì người Doan “không chịu nghe lời bọn quỷ”. Kơ Rít cũng trút lên người ông Yon những trận đòn khủng khiếp khiến ông phải cúi mình chịu trận vì ông không chịu làm việc. Khi sự áp bức đạt đến đỉnh điểm, những người anh hùng như Nhúc, Tha Na, Y Kla, Y May... đã quyết đứng dậy đấu tranh. Từ những kháng cự yếu ớt như cách Tha Na dùng lời mắng chửi Ro Kít cho đến hình ảnh “đầu thằng Ro Kít” [5, Tr. 172] treo trên con ngựa. Tuy vậy, để giết được kẻ hung tàn ấy đã phải đổi lại bằng máu thịt của Nhúc, anh bị trúng độc của cây co-ran. Những người phụ nữ như Y Kla, Y May cũng góp phần rất lớn trong cuộc đấu tranh. Y May xung phong xuống căn cứ của Pháp để thăm chồng và đưa bánh đã tẩm độc nhằm tiêu diệt càng nhiều kẻ địch càng tốt. Chính sự đối kháng giữa các giai cấp này đã tạo nên những xung đột gay gắt, phản ánh sự bất công và khát vọng tự do của những con người bị áp bức.

Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn đổi từ *Chuyện Nàng Y Kla* sang *Lửa rừng* – một nhan đề giàu tính biểu tượng như vậy. *Lửa rừng* không chỉ là một hình ảnh miêu tả thiên nhiên mà còn gợi mở nhiều tầng ý nghĩa sâu sắc, thể hiện dụng ý nghệ thuật của tác giả. Trong tiếng Việt, *lửa* mang ý nghĩa tượng trưng phong phú, thể hiện nhiều sắc thái khác nhau, từ cảm xúc tích cực trong tình yêu cho đến khía cạnh tiêu cực như chiến tranh, hận thù... Do sự đa dạng này nên “lửa” được chia thành hai nhóm biểu tượng chính: hủy diệt và tái sinh; *Rừng*, với tán cây

⁸ Y-nghiêng: loại cây cứng thẳng, dùng làm cột nhà, thân có gai sắc.

⁹ Hò-ruê a-rinh: loại cây có hoa trong đó, ngoài hồng, già lấy nước dùng gội đầu.

¹⁰ Brang-vit: loại dây hoa tím, trái cuộn lại như dây thừng.

rậm rạp và hệ sinh thái phức tạp thường được xem là biểu tượng của sinh sôi và bí ẩn [3]. Điều này xuất phát từ mối liên kết giữa rừng và nguyên lý phái nữ – nơi đời sống thực vật có thể tự do sinh sôi mà không bị kiểm soát hay can thiệp. Đồng thời, do nguyên lý phái nữ gắn với cái vô thức nên rừng cũng mang ý nghĩa biểu tượng của cái vô thức [8]. Trái ngược với những không gian an toàn như đô thị hay nhà ở, rừng thể hiện sự hoang dã, hoang sơ của thiên nhiên nhưng cũng tiềm ẩn nguy hiểm và dịch bệnh [6]. Nỗi sợ hãi khi ở trong rừng, đặc biệt trong các câu chuyện dành cho trẻ em cũng là biểu trưng cho những hiểm họa của sự vô thức [2].

Trong tiểu thuyết, “lửa” xuất hiện gắn liền với sự kiện trọng đại như: tên Pui¹¹ được lấy để đặt tên cho đứa con gái – kết tinh tình yêu của Y Kla và Dinh “- Núi rừng đẹp lắm nhưng lửa đẹp hơn. Lấy cái tên lửa đặt cho con bé... Con Pui... A... con Pui” [5, Tr. 113]. Hay cuối tác phẩm, hình ảnh “lửa” trở nên mạnh mẽ và dữ dội “nó dữ dần xông tới như bức tường cao hiện lên từ chốn hỏa ngục”, “lửa tứ bề kéo đến một lúc một siết chặt thêm vòng vây khốc liệt” [5, Tr. 282]. Lúc này, lửa đại diện cho sự hủy diệt cho thấy sự tàn khốc của chiến tranh. Ngọn lửa rừng bùng lên, thiêu rụi “bọn Pháp, bọn Thượng, bọn Doan” đồng thời đánh dấu sự sụp đổ niềm tin, sự tan vỡ trong mối quan hệ giữa Y Kla và Dinh, kết thúc cho sự phản bội khi anh không đứng về phía buôn làng và núi rừng.

Nhan đề còn ẩn chứa những xung đột nội tâm và xã hội, tượng trưng cho khát vọng, đam mê và mâu thuẫn, bất công không thể kìm nén. Trong cơn phản nộ tột cùng, Y Kla đã thốt lên lời nguyện dành cho Dinh – kẻ phản bội gia đình và dân làng – những người từng cứu mang hân trong những ngày lưu lạc giữa rừng sâu: “Đừng hồng trốn thoát, Dinh ơi. Phải chết nơi đây, với núi với rừng” [5, Tr. 283]. Chị không hề nao núng trong việc tiêu diệt chồng mình. Chị xem ngọn lửa rừng đã giúp chị giải thoát khỏi nỗi đau, trả thù cho sự phản bội và coi thường những kẻ ngoại bang tấn công buôn làng. Trong khoảnh khắc cuối cùng, trước khi tất cả chìm trong biển lửa, chị nhìn thấy hình bóng của ngọn lửa bùng cháy, ôm lấy núi rừng bát ngát, cùng với những người thân yêu của mình. Lúc này, lửa còn mang ý nghĩa của sự tái sinh, thể hiện qua hình ảnh “hình ảnh ấy như vượn rộng thêm, rộng mãi, ôm lấy núi rừng bát ngát thân yêu” [5, Tr. 284]. Phải chăng, từ trong tro tàn, mầm sống vẫn trỗi dậy? Y Kla tin rằng, đứa con gái của mình “giờ này đang đứng một nơi nào đấy nhìn ngọn lửa hồng” và những “kẻ thù rồi bị giết sạch và trên mảnh đất thấm đầy máu giặc, dân làng sẽ gieo lúa bắp sáng ngời” [5, Tr. 283]. Cuộc đời cũng như khu rừng, trải qua những biến động, mất mát rồi sẽ tìm lại được sự cân bằng và tươi đẹp.

Lửa rừng không chỉ là một tiểu thuyết viết về Tây Nguyên mà còn là bản trường ca, nơi chất sử thi hòa quyện cùng cảm thức hiện sinh, khơi gợi nhiều suy ngẫm về số phận con người, thân phận dân tộc và khát vọng tự do không thể dập tắt. Qua câu chuyện của Y Kla, của buôn làng Nước Chò và của những mảnh đời bị cuốn vào xoáy lửa chiến tranh, nhà văn đã tái hiện sinh

¹¹ Pui: Lửa.

động không gian cảnh quan văn hóa – nơi lưu giữ cả hồn thiêng núi rừng lẫn những bi kịch của con người. Hình tượng “lửa rừng” trong tác phẩm chính là biểu tượng đa tầng, vừa là ngọn lửa hủy diệt, vừa là ánh sáng soi rọi sự phản kháng và sau cùng là ngọn lửa của hồi sinh.

3. Kết luận

Trong văn học Việt Nam, cảnh quan Tây Nguyên luôn giữ một vị trí đặc biệt, trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho các nhà văn khi khai thác đề tài lịch sử và văn hóa của vùng đất này. Xin dẫn lời giới thiệu tác phẩm của chính nhà văn Vũ Hạnh về những người đồng bào dân tộc trên chiến trường Tây Nguyên: “những con người rất ngoan cường đã từng lấy máu của mình viết lên những bản hùng ca bi tráng giữa chốn núi ngàn sâu thẳm, trong cuộc khởi nghĩa kiên trì chống thực dân” [5, Tr. 5]. Trong *Lửa rừng*, Vũ Hạnh khéo léo sử dụng cảnh quan từ những cánh rừng hùng vĩ, dòng sông uốn lượn, đến những buôn làng ẩn mình giữa núi đồi như một lăng kính để phản ánh sự giao thoa văn hóa, tín ngưỡng và sắc tộc (người dân tộc thiểu số, người Kinh, người Pháp). Bằng cách khai thác mối quan hệ giữa cảnh quan – giới tính và sắc tộc, *Lửa rừng* phản ánh những vấn đề xã hội sâu sắc, bao gồm mâu thuẫn giai cấp, xung đột xã hội, khát vọng tự do, sự phân biệt dân tộc và bất công của người dân lao động. Việc khảo sát *Lửa rừng* từ góc độ lý thuyết phê bình cảnh quan mở ra những hướng tiếp cận mới đầy tiềm năng giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những thay đổi và ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, lịch sử đối với cách nhìn nhận và thể hiện giới tính và sắc tộc trong các tác phẩm văn học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anne de Hautecloque-Howe (2004), *Người Ê Đê, một xã hội mẫu quyền* (Nguyễn Ngọc và Phùng Ngọc Cử dịch), NXB Dân tộc, Hà Nội.
2. B. G. P (1835), *Diccionario universal de la mitologia o de la fábula*, ep. 1, Barcelona.
3. Carl Jung (1956), “Symbols of Transformation”, *Collected Works*, Vol.5, London.
4. Kenneth Robert Olwig (1996), “Recovering the Substantive Nature of Landscape”, *Annals of the Association of American Geographers*, Vol. 86: Issue 4 Pages 630-653.
5. Vũ Hạnh (1994), *Lửa rừng*, NXB Văn nghệ.
6. Heinrich Zimmer (1946), *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization*, New York.
7. Lothar Mueller and Frank Eulenstein (2019), *Current Trends in Landscape Research*. Switzeland: Springer Nature Switzeland AG.
8. Marc Saunier (1911), *La légende des symboles, philosophiques religieux et maçonniques*, 2nd edn, Paris.

9. Nguyễn Thị Thu Thủy, Hoàng Cẩm Giang (2023), *Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. SGK Tiếng Việt lớp 4, *Bộ Kết nối tri thức và cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.